

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2019/HS-ST.
Ngày 17-4-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA-TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trang Văn Hai.

Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2019/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 195/2019/HSST-QĐ ngày 22/3/2019 đối với bị cáo:

Mai Võ Hùng C, sinh năm 1969 tại thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: 192, Phan Văn Trị, phường 12, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ, Đảng phái: Không; Con ông Mai Võ V (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1942; Bị cáo có vợ là Hồ Thị Kim N, sinh năm 1975 (đã ly hôn) có 1 con tên Mai Hồ Tuyết L, sinh năm 2000.

Tiền án:

+ Ngày 25/8/2014, bị Tòa án nhân dân quận M, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù giam về các tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. (Chưa được xóa án tích).

+ Ngày 20/9/2016, bị Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. (Chưa được xóa án tích).

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt ngày 20/10/2018, chuyển tạm giam theo lệnh số: 547/LTG ngày 29/10/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Biên Hòa. (Bị cáo có mặt)

- Người bị hại:

1/ Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 07, ấp Sông Mây, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

2/ Chị **Ngô Thị Hồng H**, sinh năm 1985

Địa chỉ: 190/26, tổ 16, ấp An Hòa, xã A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Nguyễn Ngọc V**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 07, ấp Sông Mây, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

2/ Ông **Lê Thanh X**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 190/26, tổ 16, ấp An Hòa, xã A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Võ Hùng C là người đã có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” chưa được xóa án tích. Để có tiền tiêu xài, C mang theo một thanh kim loại có gắn nam châm 02 đầu dùng để mở nắp khóa xe và chìa khóa để mở khóa xe đi vào bãi giữ xe của Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai tại số 2, đường Đồng Khởi, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để tìm xe mô tô loại Airblade mở khóa, bật cốp xe để trộm cắp tài sản, nếu xe nào có để thẻ xe trong cốp sẽ dùng thẻ này lấy trộm xe. Từ ngày 23/7/2018 đến ngày 20/10/2018, C đã thực hiện các vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 12 giờ ngày 23/7/2018, C mang theo công cụ mở khóa đi đến khu vực bãi giữ xe khu A Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai để trộm cắp tài sản thì phát hiện chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 60Z4-3655 của chị Nguyễn Thị N ngụ tại xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai đang dựng trong bãi giữ xe. C giả vờ nghe điện thoại đi lại gần chiếc xe rồi dùng chìa khóa đem theo mở khóa để lấy trộm tài sản trong cốp xe, do chị N để thẻ gửi xe trong cốp nên C mở yên lấy thẻ xe rồi điều khiển xe qua quầy kiểm soát của nhân viên giữ xe. Chiếm đoạt được tài sản C mang về khu vực quận G, thành phố Hồ Chí Minh nhờ một người tên K (không rõ họ, địa chỉ) bán chiếc xe được 3.500.000 đồng, C cho K 200.000 đồng. Số tiền còn lại C tiêu xài hết.

Vật chứng của vụ án:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Airblade biển số 60Z4-3655, C đã nhờ K bán nên hiện không thu hồi được.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 394/TCKH-HĐĐG ngày 09/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa kết luận 01 xe mô tô, gắn máy, biển số 60Z4-3655, nhãn hiệu Honda Airblade có giá trị định giá tài sản là 18.500.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Về dân sự: Chị Nguyễn Thị N yêu cầu C bồi thường 18.500.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng). Hiện bị cáo C chưa bồi thường.

- Vụ thứ 2: Với thủ đoạn tương tự vào ngày 09/8/2018, C mang theo công cụ mở khóa đi đến khu vực bãi giữ xe khu B Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai để trộm cắp tài sản thì phát hiện chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 60X9-7439 của chị Ngô Thị Hồng H, ngụ tại xã G, huyện U, tỉnh Đồng Nai đang dựng trong bãi giữ xe C đi đến dùng chìa khóa đem theo mở cốp xe để lấy trộm tài sản trong cốp xe, do chị H để thẻ gửi xe trong cốp nên C mở yên lấy thẻ xe rồi điều khiển xe qua quầy kiểm soát của nhân viên giữ xe. Chiếm đoạt được tài sản, C mang về khu vực quận G nhờ K bán chiếc xe được 3.500.000 đồng, C cho K 200.000 đồng. Số tiền còn lại C tiêu xài hết.

Vật chứng của vụ án:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Airblade biển số 60X9-7439, C đã nhờ K bán nên hiện không thu hồi được.

- Tại bản kết luận định giá tài sản số 394/TCKH-HĐĐG ngày 09/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa kết luận 01 xe mô tô, gắn máy, biển số 60X9-7439, nhãn hiệu Honda Airblade có giá trị định giá tài sản là 18.500.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Về dân sự: Chị Ngô Thị Hồng H yêu cầu C bồi thường 18.500.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng). Hiện bị cáo C chưa bồi thường.

Đến khoảng 02 giờ 30 phút ngày 20/10/2018, C tiếp tục đi đến khu vực bãi giữ xe khu A của bệnh viện Đa khoa Đồng Nai để trộm cắp tài sản, khi C đang định đưa chìa khóa vào ổ khóa xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 60X8-2070 thì bị anh Nguyễn Thanh L, ngụ tại A79, tổ 27, khu phố 5, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và anh Lê H ngụ tại 569B/A2, ấp N, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai là nhân viên quản lý bãi xe phát hiện giữ C đưa đến Công an phường T lập hồ sơ chuyển đến cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Biên Hòa để điều tra xử lý.

Vật chứng được thu giữ gồm:

- 02 chìa khóa dài 05 cm (01 chìa khóa có ghi chữ Honda và 01 chìa khóa có ghi chữ Yamaha) và 01 chìa khóa dài 7,5 cm (có ghi chữ Honda)

- 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia TA1053.

- 01 giấy căn cước công dân mang tên Mai Võ Hồng C.

- 01 thanh kim loại dài 5cm, vuông 0,8cm, hai đầu có 04 lỗ nam châm.

- 01 USB chứa dữ liệu Mai Võ Hùng C thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, lưu tại hồ sơ vụ án.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại đối với Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thành phố Biên Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa không có ý kiến đối với Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thành phố Biên Hòa.

Bản cáo trạng số: 26/CT-VKSBH ngày 05/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Mai Võ Hùng C về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Mai Võ Hùng C từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho các bị hại theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã biết lỗi của bị cáo, bị cáo xin lỗi các bị hại. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, với lời khai của người bị hại, người làm chứng các chứng cứ khác có tại hồ sơ và cáo trạng mô tả. Từ đó đã có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 23/7/2018, tại bãi giữ xe khu A bệnh viện Đa Khoa Đồng Nai, Mai Võ Hùng C đã có hành vi trộm cắp một chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 60Z4-3655 trị giá 18.500.000 đồng của chị Nguyễn Thị N. Đến ngày 09/8/2018, tại bãi giữ xe khu B của bệnh viện Đa khoa Đồng Nai, C tiếp tục có hành vi trộm cắp một chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 60-X9-7439 trị giá 18.500.000 đồng của chị Ngô Thị Hồng H. Đến ngày 20/10/2018, C tiếp tục đến bãi giữ xe khu A bệnh viện đa khoa Đồng Nai để trộm cắp tài sản thì bị phát hiện bắt giữ. Bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích, đã tái phạm mà lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự như cáo trạng đã truy tố là có căn cứ.

Tại khoản 1, điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.”

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

g) Tái phạm nguy hiểm.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Nên cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng: Phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì bị cáo không có việc làm, thu nhập không ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 02 chìa khóa dài 05 cm (01 chìa khóa có ghi chữ Honda và 01 chìa khóa có ghi chữ Yamaha) và 01 chìa khóa dài 7,5 cm (có ghi chữ Honda), 01 thanh kim loại dài 5cm, vuông 0,8cm, hai đầu có 04 lỗ nam châm là công cụ bị cáo dùng để phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

Trả lại cho bị cáo 01 giấy căn cước công dân mang tên Mai Võ Hùng C, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia TA1053 cho Mai Võ Hùng C vì không liên quan đến việc phạm tội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại

chị Nguyễn Thị N yêu cầu bị cáo C bồi thường số tiền 18.500.000 đồng, chị Ngô Thị Hồng H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 18.500.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Mai Võ Hùng C đồng ý bồi thường cho các bị hại nên buộc bị cáo C bồi thường cho chị Nguyễn Thị N số tiền 18.500.000 đồng và chị Ngô Thị Hồng H số tiền 18.500.000 đồng.

Đối với Tuấn được C nhờ bán 02 chiếc xe do C trộm cắp mà có, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục điều tra xác minh và xử lý sau nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Mai Võ Hùng C phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Mai Võ Hùng C 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/10/2018.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 02 chìa khóa dài 05cm (01 chìa khóa có ghi chữ Honda và 01 chìa khóa có ghi chữ Yamaha); 01 chìa khóa dài 7,5 cm (có ghi chữ Honda); 01 thanh kim loại dài 5cm, vuông 0,8cm, hai đầu có 04 lỗ nam châm.

- Trả lại cho bị cáo Mai Võ Hùng C 01 giấy căn cước công dân mang tên Mai Võ Hùng C và 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA1053, số Imei 358536083536442.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 12/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.)

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585, Điều 589 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Mai Võ Hùng C phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị N số tiền: 18.500.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng) và chị Ngô Thị Hồng H số tiền 18.500.000 đồng (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 1.850.000 đồng (Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, anh Nguyễn Ngọc V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Thanh X vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa (2);
- Nhà tạm giữ Công an TP.Biên Hòa (1);
- Thi hành án hình sự (6);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (2);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (2)
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Loan Trần Hải Yến